

3. ACCENT MARK – TRESS (trọng âm)

Từ một vần không có trọng âm: *child, thing, blue, large, start, look, ...*

Từ hai vần mới có trọng âm: *children, throughout, cloudy, arrange...*

Những trường hợp cần lưu ý sau:

1. **Những danh từ (nouns) và tính từ (adjectives) có hai vần thường có trọng âm ở vần đầu:** *weekend, seaside, village, famous, modern, clever*

Exception: *success, award, polite...*

2. **Những động từ hai vần thường có dấu trọng âm ở vần cuối:** *advise (khuyên), amaze (ngạc nhiên), amuse (làm cho ai vui), arrange (sắp xếp), attract (thu hút), contain (chứa đựng), create (tạo ra), deceive (lừa dối), decide (quyết định), destroy (phá hủy), express (bày tỏ), insist (nhất định), succeed (thành công), pollute (làm ô nhiễm), produce (sản xuất), select (chọn lựa), promote (thăng chức), disguise (cải trang), compose (sáng tác).* . .

Exception: *visit (viếng thăm), finish (hoàn thành), travel (đi du lịch), punish (phạt), promise (hứa), . .*

* Những động từ hai vần bắt đầu bằng “re-“, thường có trọng âm ở vần thứ 2: *report (báo cáo), replace (thay thế), review (xem lại, ôn tập), revive (làm tỉnh lại), regain (thu hồi)..*

3. **Những từ hai vần vừa là danh từ vừa là động từ**, thường danh từ có trọng âm ở vần đầu, động từ có trọng âm ở vần thứ hai:

Nouns	Verbs
présent (hiện đại)	présent (trình bày)
transport (sự vận tải)	transport (chuyên chở)
import (sự nhập khẩu)	import (nhập khẩu)
export (sự xuất khẩu)	export (xuất khẩu)

4. **Những từ 2 vần trở lên kết thúc bằng: -ia (-ia, -ial, -ian, -iar); -ie..(-ient, ience); -ion; -ium; -ic; -ical; -ity; -ety** thường có trọng âm liền trước những vần này: *Asia (Châu Á), matériel (vật liệu), librarian (nhân viên thư viện), familiar (quen thuộc), convenient (thuận tiện), expérience (kinh nghiệm), compétition (cuộc thi đấu), scenic (thuộc cảnh vật), economical (thuộc về kinh tế), activity (hoạt động), society (xã hội)*

Exception: *Arabic, television, politics*

5. **Những từ có 3 vần trở lên kết thúc bằng: -ate, -ent, -ence, -ite, -ize, -ment, -ous, ude, -ute, -y, . .** thường có trọng âm các nó một vần: *graduate (tốt nghiệp), référence (sự tham khảo), favourite (ưa thích), realize (nhận ra), développement (phát triển), attitude (thái độ), contribute (đóng góp), policy (chính sách), economy (kinh tế)*

6. **Những từ có 2 vần trở lên kết thúc bằng: -ade, -ee, -een, -eer, -ever, -ese, -self, -selves, -ette, -oo, -oon**, thường có trọng âm ngay trên nó: *parade (cuộc diễu hành), employée (công nhân), fifteen (mười lăm), ingénieur (kỹ sư), however (tuy nhiên), Vietnamese (người Việt Nam), myself (chính tôi), ourselves (chính chúng tôi), usherette (người nữ hướng dẫn chỗ ngồi), shampoo (dầu gội đầu), afternoon (chiều),..*

Exception: *committee (ủy ban), coffee (cà phê)*

PRACTICE

- | | | | |
|-------------------|---------------|--------------|----------------|
| 1. A. teacher | B. village | C. police | D. worker |
| 2. A. discuss | B. attract | C. suppose | D. visit |
| 3. A. compulsory | B. curriculum | C. nursery | D. certificate |
| 4. A. average | B. aquatic | C. athletic | D. available |
| 5. A. mathematics | B. sociology | C. chemistry | D. archaeology |
| 6. A. design | B. essay | C. caring | D. special |
| 7. A. escape | B. marry | C. prepare | D. recount |

- | | | | |
|----------------------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------------|
| 8. A. between | B. cherish (yêu thương) | C. chicken | D. kitchen |
| 9. A. exciting | B. charity | C. convenient | D. surprising |
| 10. A. penalty | B. wildness | C. reunite | D. fascinating |
| 11. A. unnoticed | B. composed | C. precision | D. telescope |
| 12. A. daughter | B. decide | C. provide | D. enjoy |
| 13. A. physicist | B. president | C. inventor | D. gardener |
| 14. A. factory | B. farmer | C. fairy | D. farewell (tạm biệt) |
| 15. A. finish | B. pastime | C. summer | D. begin |
| 16. A. holiday | B. certainty | C. industry | D. adventure |
| 17. A. increasing | B. implying | C. interesting | D. important |
| 18. A. popular | B. dangerous | C. magazine | D. applicant |
| 19. A. battle | B. career | C. engine | D. rabies |
| 20. A. people | B. possess | C. purpose | D. pepper |
| 21. A. important | B. comfortable | C. surprising | D. extinction |
| 22. A. carry | B. invent | C. appoint | D. become |
| 23. A. sentence | B. season | C. success | D. saucer |
| 24. A. Canadian | B. vegetarian | C. pedestrian | D. incredible |
| 25. A. edible | B. classify | C. terrify | D. solidify |
| 26. A. associate | B. operate | C. integrate | D. recognize |
| 27. A. ambitious | B. dangerous | C. mysterious | D. kilometer |
| 28. A. secretary | B. necessary | C. classify | D. vocabulary |
| 29. A. exception | B. linguistics | C. paragraph | D. specific |
| 30. A. around | B. legend | C. question | D. special |
| 31. A. delicate tế nhị | B. promotion | C. volcanic | D. resources |
| 32. A. satellite | B. astronaut | C. deliver | D. applicant |
| 33. A. annual | B. announce | C. formal | D. sculpture ['skʌlptʃə] |
| 34. A. maximum | B. windowpane | C. enjoyment | D. organize |
| 35. A. complete | B. worksheet | C. explain | D. observe |
| 36. A. disappointed | B. competition | C. representative | D. participate |
| 37. A. grateful | B. delightful | C. thoughtful | D. wonderful |
| 38. A. secretary | B. assistance | C. support | D. vacation |
| 39. A. relationship | B. activity | C. occasional | D. invitation |
| 40. A. opportunity | B. investment | C. international | D. education |
| 41. A. answer | B. begin | C. refuse | D. complain |
| 42. A. marathon | B. maximum | C. formally | D. effective |
| 43. A. champion | B. recite | C. female | D. general |
| 44. A. contestant | B. completion | C. remember | D. membership |
| 45. A. yesterday | B. applicant | C. employment | D. uniform |
| 46. A. river | B. result | C. rewrite | D. reuse |
| 47. A. apply | B. persuade | C. reduce | D. offer |
| 48. A. wilderness | B. opponent | C. penalty | D. podium |
| 49. A. different | B. important | C. impressive | D. attractive |
| 50. A. deforestation | B. endangerment | C. priority | D. rhinoceros |
| 51. A. hunger | B. famine | C. believe | D. painful |
| 52. A. register (sổ ghi tên) | B. devotee | C. catalogue | D. maximum |
| 53. A. irrigate | B. cosmetic | C. ancestry | D. delicate |
| 54. A. eardrum (màng tai) | B. exhaust | C. discard | D. inject |
| 55. A. atmosphere | B. volcanic | C. disposal | D. emission |
| 56. A. exhaust | B. occur | C. fluoride | D. garbage |

- | | | | | |
|-----|--------------------|-------------|-------------------|-------------------|
| 57. | A. teacher | B. singer | C. Chinese | D. modern |
| 58. | A. humour | B. cancer | C. treatment | D. disease |
| 59. | A. activity | B. ordinary | C. necessary | D. temporary |

Exercise 1: Make an accent mark (ˈ) over the stressed syllable of the words provided: boring, librarian, fascinate, admire, special, periodical, habit, section, celebration, musical, republic, solidarity, demonstrate, consider, circus, reference, develop, sunbathe, colourful, promise.

Exercise 2: Make an accent mark (ˈ) over the stressed syllable of the words provided: referee, award, especially, popular, stadium, preparation, balloon, national, Olympic, present (v), assign, experience, detail, commuter, underground, convenient, expensive, difficulty, passenger, afternoon.

Exercise 3: Make an accent mark (ˈ) over the stressed syllable of the words provided. although, interest, carefully, against, request, however, moreover, cottage, sleepily, economically, cooperation, require, educate, television, confident, thrilling, channel, transport (n), recycled, discussion.

Exercise 4: Make an accent mark (ˈ) over the stressed syllable of the words provided.

Workhouse, apprentice, agree, retire, release, patriotic, destroyed, resound, ammunition, colonial (thuộc địa), inherit (thừa kế), orphan, polite, orator (nhà hùng biện), represent (trình bày), explosion, succeed, scientific, memorial, resists (kháng cự), abroad, award, delighted, beyond, deposit, imprison, success, against, commuter, depressed, inherit, successful, alike, compose, surprising, allowance, consider, develop, performing, throughout, disguised (hóa trang), trapeze, convenient, encourage, unyieldingness, appearance, especially, apprentice, event, exactly, defender, experience,

TEST 1

- | | | | | |
|----|--------------|--------------|----------------|---------------|
| 1. | a. improve | b. result | c. become | d. answer |
| 2. | a. fluently | b. difficult | c. willingly | d. exciting |
| 3. | a. extremely | b. popular | c. cheerfully | d. excellent |
| 4. | a. absence | b. homework | c. routine | d. painting |
| 5. | a. company | b. computer | c. scholarship | d. difference |

TEST 2

- | | | | | |
|----|----------------|-------------------|-------------------|----------------|
| 1. | a. properly | b. advantage | c. invention | d. tradition |
| 2. | a. factory | b. scientist | c. organize | d. consider |
| 3. | a. program | b. picture | c. repeat | d. private |
| 4. | a. serious | b. another | c. colorful | d. industry |
| 5. | a. opportunity | b. electronically | c. advantageously | d. immediately |

TEST 3

- | | | | | |
|----|-----------------|----------------|------------------|----------------|
| 1. | a. protection | b. management | c. mineral | d. interesting |
| 2. | a. geyser | b. include | c. highway | d. region |
| 3. | a. conservation | b. environment | c. destructively | d. attentively |
| 4. | a. healthy | b. landscape | c. surround | d. human |
| 5. | a. damage | b. ready | c. rubbish | d. exist |

TEST 4

- | | | | | |
|----|----------------|--------------|------------------|-------------------|
| 1. | a. popular | b. musical | c. national | d. performance |
| 2. | a. travel | b. involve | c. famous | d. other |
| 3. | a. engineering | b. associate | c. international | d. transportation |
| 4. | a. important | b. cinema | c. marvelous | d. special |
| 5. | a. voyage | b. extra | c. support | d. certain. |

TEST 5

- | | | | | |
|----|--------------|----------------|----------------|--------------|
| 1. | a. another | b. tobacco | c. buffalo | d. occasion |
| 2. | a. water | b. peasant | c. farming | d. alarm |
| 3. | a. timetable | b. conclusion | c. passenger | d. bicycle |
| 4. | a. travel | b. begin | c. forget | d. announce |
| 5. | a. serious | b. frightening | c. interesting | d. contented |

TEST 6

- | | | | | |
|----|--------------|----------------|----------------|--------------|
| 1. | a. biology | b. mathematics | c. development | d. geography |
| 2. | a. panic | b. busy | c. quiet | d. exact |
| 3. | a. favorite | b. contented | c. interesting | d. usually |
| 4. | a. children | b. breakfast | c. routine | d. water |
| 5. | a. purchase. | b. practice | c. begin | d. question |

TEST 7

- | | | | | |
|----|-----------------|------------------|----------------|----------------|
| 1. | a. conversation | b. entertainment | c. appropriate | d. information |
| 2. | a. holiday | b. importance | c. profession | d. tomorrow |
| 3. | a. answer | b. complain | c. listen | d. travel |
| 4. | a. apology | b. geography | c. experience | d. preparation |
| 5. | a. enjoy | b. suffer | c. study | d. differ |

TEST 8

- | | | | | |
|----|---------------|----------------|-----------------|----------------|
| 1. | a. headmaster | b. entertain | c. chemistry | d. following |
| 2. | a. profession | b. commonly | c. everything | d. difficult |
| 3. | a. experience | b. communicate | c. conversation | d. appropriate |
| 4. | a. polite | b. party | c. dancing | d. center |
| 5. | a. narrow | b. language | c. traffic | d. correct |

TEST 9

- | | | | | |
|----|----------------|-----------------|----------------|----------------|
| 1. | a. atomic | b. brilliant | c. determined | d. ambitious |
| 2. | a. mature | b. tragic | c. married | d. private |
| 3. | a. calculation | b. intelligence | c. information | d. mathematics |
| 4. | a. obtain | b. devote | c. receive | d. suffer |
| 5. | a. journalist | b. interview | c. diploma | d. telephone |

TEST 10

- | | | | | |
|----|-------------|------------------|----------------|-------------|
| 1. | a. continue | b. realize | c. demonstrate | d. opposite |
| 2. | a. activity | b. attentiveness | c. explanation | d. ability |
| 3. | a. mental | b. special | c. happy | d. retard |
| 4. | a. organize | b. determine | c. develop | d. exhibit |
| 5. | a. reason | b. idea | c. welcome | d. visit |

TEST 11

- | | | | | |
|-----|---------------|----------------|---------------|---------------|
| 1. | A. confidence | B. mischievous | C. obedient | D. reference |
| 2. | A. pressure | B. attempt | C. result | D. secure |
| 3. | A. idea | B. attract | C. precede | D. value |
| 4. | A. equal | B. discuss | C. supposed | D. response |
| 5. | A. develop | B. determine | C. attitude | D. romantic |
| 6. | A. instance | B. install | C. instant | D. instinct |
| 7. | A. polite | B. pollen | C. police | D. pollute |
| 8. | A. decent | B. recent | C. resent | D. absent |
| 9. | A. purpose | B. incredible | C. reaction | D. employment |
| 10. | A. physical | B. regional | C. wonderful | D. researcher |
| 11. | A. benefit | B. favorite | C. interested | D. continue |

12.	A. applicant	B. success	C. vacant	D. area
13.	A. forest	B. koala	C. area	D. favorite
14.	A. popular	B. parachute	C. determine	D. pastime
15.	A. official	B. periodical	C. technology	D. together
16.	A. imagine	B. effective	C. foreigner	D. inhabit
17.	A. influence	B. immediate	C. period	D. realize
18.	A. inspire	B. consider	C. situated	D. adopted
19.	A. cartoon	B. reason	C. purpose	D. media
20.	A. foreign	B. language	C. provide	D. continent
21.	A. encourage	B. damage	C. famous	D. lecture
22.	A. militant	B. public	C. actually	D. protect
23.	A. contain	B. demand	C. retain	D. distance
24.	A. bacteria	B. element	C. especially	D. importance
25.	A. provide	B. period	C. career	D. invent
26.	A. immediate	B. environment	C. accident	D. percentage
27.	A. focus	B. remind	C. circus	D. patient
28.	A. chemistry	B. physics	C. geography	D. literature
29.	A. despite	B. dislike	C. despair	D. distance
30.	A. inform	B. message	C. regard	D. advance
31.	A. private	B. property	C. regard	D. area
32.	A. particular	B. language	C. foreign	D. access
33.	A. Canada	B. Nigerian	C. Britain	D. certain
34.	A. themselves	B. possession	C. Australia	D. Africa
35.	A. obstacle	B. sanguine	C. define	D. guidance
36.	A. important	B. employment	C. apparent	D. supervisor
37.	A. prospect	B. involve	C. contrary	D. knowledge
38.	A. reason	B. pleasant	C. nature	D. mature
39.	A. concern	B. concert	C. contain	D. control
40.	A. suppose	B. generous	C. sanguine	D. problem
41.	A. restrict	B. resources	C. restaurant	D. replace
42.	A. immense	B. protect	C. exhaust	D. mineral
43.	A. analysis	B. valuable	C. animal	D. product
44.	A. romantic	B. protective	C. efficient	D. confident
45.	A. another	B. decree	C. entrance	D. correct
46.	A. informal	B. comfortable	C. except	D. associate
47.	A. delicate	B. potential	C. accessible	D. conspicuous
48.	A. instance	B. special	C. gesture	D. relax
49.	A. attract	B. capable	C. success	D. mechanic
50.	A. valuable	B. disease	C. conspicuous	D. economy

TEST 1

1.	a. improve	b. result	c. become	d. answer
2.	a. fluently	b. difficult	c. willingly	d. exciting
3.	a. extremely	b. popular	c. cheerfully	d. excellent
4.	a. absence	b. homework	c. routine	d. painting
5.	a. company	b. computer	c. scholarship	d. difference

TEST 2

1.	a. properly	b. advantage	c. invention	d. tradition
----	--------------------	--------------	--------------	--------------

- | | | | | |
|----|----------------|-------------------|-------------------|-----------------------|
| 2. | a. factory | b. scientist | c. organize | d. consider |
| 3. | a. program | b. picture | c. repeat | d. private |
| 4. | a. serious | b. another | c. colorful | d. industry |
| 5. | a. opportunity | b. electronically | c. advantageously | d. immediately |

TEST 3

- | | | | | |
|----|------------------------|-------------------|--------------------|-----------------|
| 1. | a. protection | b. management | c. mineral | d. interesting |
| 2. | a. geyser | b. include | c. highway | d. region |
| 3. | a. conservation | b. environment | c. destructively | d. attentively |
| 4. | a. healthy | b. landscape | c. surround | d. human |
| 5. | a. damage | b. ready | c. rubbish | d. exist |

TEST 4

- | | | | | |
|----|---------------------|---------------------|-------------------|-----------------------|
| 1. | a. popular | b. musical | c. national | d. performance |
| 2. | a. travel | b. involve | c. famous | d. other |
| 3. | a. engineering | b. associate | c. international | d. transportation |
| 4. | a. important | b. cinema | c. marvelous | d. special |
| 5. | a. voyage | b. extra | c. support | d. certain. |

TEST 5

- | | | | | |
|----|------------------|----------------------|-------------------|---------------------|
| 1. | a. another | b. tobacco | c. buffalo | d. occasion |
| 2. | a. water | b. peasant | c. farming | d. alarm |
| 3. | a. timetable | b. conclusion | c. passenger | d. bicycle |
| 4. | a. travel | b. begin | c. forget | d. announce |
| 5. | a. serious | b. frightening | c. interesting | d. contented |

TEST 6

- | | | | | |
|----|--------------|-----------------------|-------------------|-----------------|
| 1. | a. biology | b. mathematics | c. development | d. geography |
| 2. | a. panic | b. busy | c. quiet | d. exact |
| 3. | a. favorite | b. contented | c. interesting | d. usually |
| 4. | a. children | b. breakfast | c. routine | d. water |
| 5. | a. purchase. | b. practice | c. begin | d. question |

TEST 7

- | | | | | |
|----|-------------------|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1. | a. conversation | b. entertainment | c. appropriate | d. information |
| 2. | a. holiday | b. importance | c. profession | d. tomorrow |
| 3. | a. answer | b. complain | c. listen | d. travel |
| 4. | a. apology | b. geography | c. experience | d. preparation |
| 5. | a. enjoy | b. suffer | c. study | d. differ |

TEST 8

- | | | | | |
|----|----------------------|---------------------|------------------------|-------------------|
| 1. | a. headmaster | b. entertain | c. chemistry | d. following |
| 2. | a. profession | b. commonly | c. everything | d. difficult |
| 3. | a. experience | b. communicate | c. conversation | d. appropriate |
| 4. | a. polite | b. party | c. dancing | d. center |
| 5. | a. narrow | b. language | c. traffic | d. correct |

TEST 9

- | | | | | |
|----|---------------------------------|------------------------|-------------------|------------------|
| 1. | a. atomic | b. brilliant | c. determined | d. ambitious |
| 2. | a. mature (trưởng thành) | b. tragic | c. married | d. private |
| 3. | a. calculation | b. intelligence | c. information | d. mathematics |
| 4. | a. obtain | b. devote | c. receive | d. suffer |
| 5. | a. journalist | b. interview | c. diploma | d. telephone |

TEST 10

- | | | | | |
|----|--------------------|------------|----------------|-------------|
| 1. | a. continue | b. realize | c. demonstrate | d. opposite |
|----|--------------------|------------|----------------|-------------|

2.	a. activity	b. attentiveness	c. explanation	d. ability
3.	a. mental	b. special	c. happy	d. retard
4.	a. organize	b. determine	c. develop	d. exhibit
5.	a. reason	b. idea	c. welcome	d. visit
TEST 11				
1.	A. confidence	B. mischievous	C. obedient	D. reference
2.	A. pressure	B. attempt	C. result	D. secure
3.	A. idea	B. attract	C. precede	D. value
4.	A. equal	B. discuss	C. supposed	D. response
5.	A. develop	B. determine	C. attitude	D. romantic
6.	A. instance	B. install	C. instant	D. instinct
7.	A. polite	B. pollen	C. police	D. pollute
8.	A. decent	B. recent	C. resent	D. absent
9.	A purpose	B. incredible	C. reaction	D. employment
10.	A. physical	B. regional	C. wonderful	D. researcher
11.	A. benefit	B. favorite	C. interested	D. continue
12.	A. applicant	B. success	C. vacant	D. area
13.	A. forest	B. koala	C. area	D. favorite
14.	A. popular	B. parachute	C. determine	D. pastime
15.	A. official	B. periodical	C. technology	D. together
16.	A. imagine	B. effective	C. foreigner	D. inhabit
17.	A. influence	B. immediate	C. period	D. realize
18.	A. inspire	B. consider	C. situated	D. adopted
19.	A. cartoon	B. reason	C. purpose	D. media
20.	A. foreign	B. language	C. provide	D. continent
21.	A. encourage	B. damage	C. famous	D. lecture
22.	A. militant	B. public	C. actually	D. protect
23.	A. contain	B. demand	C. retain	D. distance
24.	A. bacteria	B. element	C. especially	D. importance
25.	A. provide	B. period	C. career	D. invent
26.	A. immediate	B. environment	C. accident	D. percentage
27.	A. focus	B. remind	C. circus	D. patient
28.	A. chemistry	B. physics	C. geography	D. literature
29.	A. despite	B. dislike	C. despair	D. distance
30.	A. inform	B. message	C. regard	D. advance
31.	A. private	B. property	C. regard	D. area
32.	A. particular	B. language	C. foreign	D. access
33.	A. Canada	B. Nigerian	C. Britain	D. certain
34.	A. themselves	B. possession	C. Australia	D. Africa
35.	A. obstacle	B. sanguine	C. define	D. guidance
36.	A. important	B. employment	C. apparent	D. supervisor
37.	A. prospect	B. involve	C. contrary	D. knowledge
38.	A. reason	B. pleasant	C. nature	D. mature
39.	A. concern	B. concert	C. contain	D. control
40.	A. suppose	B. generous	C. sanguine	D. problem
41.	A. restrict	B. resources	C. restaurant	D. replace
42.	A. immense	B. protect	C. exhaust	D. mineral
43.	A. analysis	B. valuable	C. animal	D. product

- | | | | | |
|-----|--------------------|-----------------------|--------------------|---------------------|
| 44. | A. romantic | B. protective | C. efficient | D. confident |
| 45. | A. another | B. decree | C. entrance | D. correct |
| 46. | A. informal | B. comfortable | C. except | D. associate |
| 47. | A. delicate | B. potential | C. accessible | D. conspicuous |
| 48. | A. instance | B. special | C. gesture | D. relax |
| 49. | A. attract | B. capable | C. success | D. mechanic |
| 50. | A. valuable | B. disease | C. conspicuous | D. economy |